**Nhóm 3B. Tên thành viên nhóm:**

**1. Trần Thị Mai Loan. Trường THCS Võ Trường Toản 2. Trần Thị Như Ý. Trường THCS An Bình**

**3. Nguyễn Thị Kim Thanh. Trường THCS Bình Thắng B 4. Lê Thị Thanh Hà. Trường THCS Tân Bình**

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN CÔNG NGHỆ, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | **Mở đầu về chăn nuôi** | 1.1 Nghề chăn nuôi ở Việt Nam | 2 | 1,5 | 2 | 3 |  |  |  |  | 4 |  | 4,5 | **10** |
| 1.2 Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam | 2 | 1,5 | 2 | 3 |  |  |  |  | 4 |  | 4,5 | **10** |
| **2** | **Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | 2.1 Kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. | 2 | 1,5 | 1 | 1,5 |  |  |  |  | 3 |  | 3 | **7,5** |
| 2.2 Kĩ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn. | 1 | 0,75 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,75 | **2,5** |
| 3 | **Nuôi thuỷ sản** | 3.1 Ngành thuỷ sản ở Việt Nam | 4 | 3 |  |  |  |  |  |  | 4 |  | 3 | **10** |
| 3.2 Qui trình kĩ thuật nuôi thuỷ sản | 3 | 2,25 | 4 | 6 | 1 | 10 |  |  | 7 | 1 | 18,25 | **37,5** |
| 3.3 Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản. | 2 | 1,5 | 3 | 4,5 |  |  | 1 | 5 | 5 | 1 | 11 | **22,5** |
| **Tổng** | **16** | **12** | **12** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **28** | **2** | **45** |  |
| **Tỉ lệ (%)** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |  |  |  | **100%** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | **70%** | **30%** |  |  |  |

**Ghi chú:**

- Đề kiểm tra gồm hai loại câu hỏi: trắc nghiệm khách quan (TNKQ) và tự luận (TL).

- Số lượng câu hỏi phân bổ trong các đơn vị kiến thức được xác định dựa vào mức độ yêu cầu cần đạt, số lượng chỉ báo và thời lượng dạy học thực tế của từng đơn vị kiến thức đó.

- Loại câu hỏi tùy thuộc vào mức độ nhận thức: Với mức độ nhận biết và thông hiểu nên sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan; với mức độ vận dụng và vận dụng cao nên sử dụng loại câu hỏi tự luận.

- Các câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu cần được phân bổ ở tất cả các đơn vị kiến thức và mỗi câu chỉ tương ứng với một chỉ báo.

- Tỉ lệ điểm phân bổ cho các mức độ nhận thức: khoảng 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng và 10% vận dụng cao.

- Trong đề kiểm tra cuối kì, tỉ lệ điểm dành cho phần nửa đầu học kì chiếm khoảng 1/3.

- Số lượng câu hỏi ở mức nhận biết trong khoảng 12 – 16; ở mức thông hiểu trong khoảng 6 – 12; ở mức vận dụng và vận dụng cao trong khoảng 1 – 3

**ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN CÔNG NGHỆ 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Mở đầu về chăn nuôi** | 1.1 Nghề chăn nuôi ở Việt Nam | **Nhận biết:**- Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.**Thông hiểu:** - Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi | 2 | 2 |  |  |
| 1.2 Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam | **Nhận biết:**- Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta.- Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.**Thông hiểu:**- So sánh được các đặc điểm cơ bản của các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. - Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. | 2 | 2 |  |  |
| **2** | **Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | 2.1 Kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. | **Nhận biết:**- Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.- Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.**Thông hiểu:** - Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 2 | 1 |  |  |
| 2.2 Kĩ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn. | **Nhận biết:** - Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho một loại vật nuôi phổ biến. | 1 |  |  |  |
| **3** | **Nuôi thuỷ sản** | 3.1 Ngành thuỷ sản ở Việt Nam | **Nhận biết:** - Trình bày được vai trò của thuỷ sản;- Nhận biết được một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta. | 4 |  |  |  |
| 3.2 Qui trình kĩ thuật nuôi thuỷ sản | **Nhận biết:**- Nêu được quy trình kĩ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh.**Thông hiểu:*** Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thủy sản phổ biến.
* Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị con giống một loại thủy sản phổ biến.
* Giải thích được kĩ thuật chăm sóc một loại thủy sản phổ biến.
* Giải thích được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một loại thủy sản phổ biến.

**Vận dụng:*** Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản bằng phương pháp đơn giản.
 | 3 | 4 | 1 |  |
| 3.3 Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản. | **Nhận biết:*** Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản.

**Thông hiểu:*** Giải thích được các việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản.

**Vận dụng cao:*** Đề xuất được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản của địa phương.
 | 2 | 3 |  | 1 |
| **Tổng** |  | **16** | **12** | **1** | **1** |

***Lưu ý:***

- Với câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- Câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một hoặc một số trong các đơn vị kiến thức.

- Kiểm tra lại sự phù giữa đề kiểm tra và ma trận đề

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN CÔNG NGHỆ 7**

**THỜI GIAN: 45 PHÚT**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Hãy chọn đáp án đúng nhất. Mỗi câu đúng 0,25 điểm**

**Câu 1**. Đâu không phải là vai trò của ngành chăn nuôi?

1. Cung cấp thực phẩm
2. Cung cấp sức kéo
3. Cung cấp nhiên liệu
4. Cung cấp nguyên liệu

**Câu 2**. Theo em công việc phòng, trị bệnh vật nuôi thuộc nhóm nghề nào?

1. Nhà chăn nuôi
2. Nhà nuôi trồng thủy sản

C. Nhà tư vấn thủy sản

 D. Bác sĩ thú y

**Câu 3**. Nếu từ nhỏ em rất thích chăm sóc chó, mèo và sơ cứu khi nó bị thương thì em có thể phù hợp với nghề nào?

1. Làm nông
2. Nuôi bò
3. Bác sĩ thú y
4. Nuôi cá

**Câu 4**. Theo em, đâu không phải là yêu cầu chính đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi:

1. Có kiến thức nuôi dưỡng
2. Có năng khiếu ăn nói
3. Biết sử dụng dụng cụ chăn nuôi
4. Yêu quý động vật nuôi

**Câu 5.** Giống lợn có lông lang đen trắng, lưng dàu võng xuống là giống lợn nào?

1. Lợn Ỉ
2. Lợn Móng Cái
3. Lợn Landrace
4. Lợn Yorkshire

**Câu 6.** Phương thức chăn thả có đặc điểm gì?

1. Vật nuôi được đi lại tự do, có chuồn trại
2. Vật nuôi được đi lại tự do, không có chuồn trại
3. Vật nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp, có chuồn trại
4. Vật nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp kết hợp tự kiếm thức ăn

**Câu 7.** Vì sao gia súc ăn cỏ được nuôi nhiều ở khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

1. Có  nhiều cánh đồng cỏ rộng
2. Do diện tích rộng
3. Có nhiều sản phẩm phụ nông nghiệp
4. Do thức ăn dồi dào từ lúa và hoa màu

**Câu 8.** Người dân ở vùng quê thườngdùng phương thức chăn nuôi nào tận dụng thức ăn thừa

1. Phương thức chăn thả
2. Phương thức công nghiệp
3. Phương thức bán chăn thả
4. Phương thức chăn thả và bán chăn thả

Câu 9: Đặc điểm nào dưới đây không phải là đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non?

 A. Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh.

 B. Chức năng hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.

 C. Chức năng sinh sản hoàn chỉnh.

 D. Chức năng miễn dịch chưa tốt.

Câu 10: Biện pháp hữu hiệu để xử lí chất thải trong chăn nuôi, bảo vệ môi trường và góp phần tiết kiệm điện năng là?

1. Mô hình VAC
2. Mô hình RVAC
3. Lắp đặt hầm chứa khí biogas
4. Làm đệm lót sinh học

Câu 11: Vườn chăn thả gà nên có diện tích tối thiểu khoản bao nhiêu?

1. 0,5- 1 m2/con
2. 1- 1,5 m2/con
3. 1,5 – 2 m2/con
4. 1,5 - 2 m2/con

Câu 12: Yếu tố nào ảnh hưởng đến sự phát triển của vật nuôi?

1. Thức ăn, nước uống, môi trường
2. Vắc xin, giống, môi trường.
3. Vắc xin, thức ăn, chăm sóc
4. Nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng trị bệnh.

Câu 13: Phát biểu nào dýới ðây sai khi nói về vai trò của ngành thủy sản:

A. Cung cấp thực phẩm cho con ngýời.

B. Tạo việc làm và tãng thu nhập cho ngýời lao ðộng

C. Xuất khẩu thủy sản

D. Làm vật nuôi cảnh.

**Câu 14:** Có mấy vai trò của ngành thủy sản?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**Câu 15:** Có mấy giống tôm ðýợc nuôi nhiều ở nýớc ta ðể xuất khẩu?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**Câu 16:** Trong các loài cá sau, loài nào có giá trị kinh tế cao ở nýớc ta?

A. Cá rô và cá basa

B. Cá basa và cá tra

C. Cá Lãng và cá ngừ

D. Tất cả ðều sai.

**Câu 17:** Thức ãn nhân tạo của thủy sản gồm

A. Thức ãn thô

B. Thức ãn viên

C. Cả A và B ðều ðúng

D. Cả A và B ðều sai.

**Câu 18:** Nên cho tôm cá ãn vào thời gian nào trong ngày?

A. 6 – 8h sáng.

B. 7 – 8h tối.

C. 9 – 11h sáng.

D. 10 – 12h sáng.

**Câu 19:** Qui trình công nghệ nuôi thủy sản gồm mấy býớc chính

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

**Câu 20:** Có mấy phýõng pháp thu hoạch thủy sản

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**Câu 21:** Khi chuẩn bị ao nuôi và xử lí nguồn nước gồm các biện pháp nào?

1. Thiết kế ao hợp lí
2. Xử lí đáy ao
3. Xử lí nước
4. Tất cả đều đúng

**Câu 22:** Khi thực hiện thả con giống nên ngâm túi đựng tôm, cá vào trong ao khoảng bao nhiêu phút để nhiệt độ trong túi cân bằng với nhiệt độ môi trường nước ao nuôi?

A. 10 – 15 phút

B. 15 – 25 phút

C. 20 – 30 phút

D. Từ 30 phút trở lên.

**Câu 23:** Khi chọn con giông nuôi cần đảm bảo các yếu tố nào?

A. Kích thýớc ðồng ðều

B. Thân hình không bị dị dang hay trầy xýớc, màu sắc ðẹp

C. Hoạt ðộng nhanh nhẹn

D. Tất cả ðều ðúng

**Câu 24:** Biện pháp xử lí ao nuôi đối với loại đất nhiều phèn cần

A. Lót bạt dýới ðáy

B. Bón nhiều vôi ở ðáy

C. Cả A và B ðều ðúng

D. Cả A và B ðều sai

**Câu 25:** Các biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản là

A. Xử lí nguồn nýớc

B. Quản lí nguồn nýớc

C. Cả A và B ðều ðúng

D. Cả A và B ðều sai.

**Câu 26:** Có mấy biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

**Câu 27:** Khi xử lí nguồn nýớc bằng phýõng pháp dùng hóa chất clorua vôi ( CaOCl2) nên dùng với nồng ðộ bao nhiêu ðể diệt khuẩn

A. 2%.

B. 3%.

C. 4%.

D. 10%.

**Câu 28:** Ðâu là hậu quả cho thủy sản và nguồn nýớc nuôi thủy sản khi sử dụng thức ãn không ðúng lýợng

A. Tạo ðiều kiện cho tảo phát triển

B. Làm nýớc ô nhiễm

C. Thiếu oxygen dẫn ðến tôm, cá nuôi dễ bị nhiễm bệnh

D. Tất cả ðều ðúng

**B. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 29.** Nhiệt độ, độ trong của ngước được đo bằng phương pháp nào? ( 1 điểm)

**Câu 30.** Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản? ( 2 điểm)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN CÔNG NGHỆ 7**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 | Câu 9 | Câu 10 |
| C | A | C | B | B | B | A | C | C | C |
| Câu 11 | Câu 12 | Câu 13 | Câu 14 | Câu 15 | Câu 16 | Câu 17 | Câu 18 | Câu 19 | Câu 20 |
| A | D | D | D | C | B | C | A | B | C |
| Câu 21 | Câu 22 | Câu 23 | Câu 24 | Câu 25 | Câu 26 | Câu 27 | Câu 28 |  |  |
| D | A | D | B | C | D | A | D |  |  |

**B. PHẦN TỰ LUẬN**

**1.Nhiệt độ, độ trong của ngước được đo bằng phương pháp nào? ( 1đ)**

- Nhiệt độ của nước phụ thuộc vào điều kiện khí hậu, thời tiết, môi trường của khu vực . Ngoài ra nhiệt độ nước còn phụ thuộc vào phản ứng hóa học, sự phân hủy chất hữu cơ và được đo bằng dụng cụ đo như: nhiệt kế thủy ngân, nhiệt kế điện tử (0,5 đ)

- Độ trong của nước là một trong những tiêu chí để đánh giá độ tốt, xấu của nước nuôi thủy sản được đo dựa vào độ sâu nhìn thấy đĩa secchi (0,5đ)

**2.Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản? ( 1đ)**

**+ Những việc nên làm: (1đ)**

**-** Xử lí nước thải.

- Dọn rác, làm sạch môi trường nước.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học trong nuôi thủy sản.

- Tái tạo nguồn lợi thủy sản.

- Tuyên truyền về bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

- Bảo tồn hệ sinh thái và nguồn lợi biển.
+ **Những việc không nên làm: (1đ)**

- Không nên xả rác ra môi trường.

- Đánh bắt bằng xung điện.

- Đánh bắt bằng chất nổ.

- Tàn phá rừng ngập mặn.